



CẬP NHẬT QUÝ

Công ty Cổ phần Vinhomes (VHM: HOSE)

Giá mục tiêu: 105.600 Đồng

Khuyến nghị: **TRUNG LẬP**

Tăng giá: **14,2%**

Ngày 01/12/2025



Tăng tốc năm bắt tăng trưởng

Mở bán các đại dự án thúc đẩy doanh số bán hàng và tăng trưởng lợi nhuận

Chúng tôi duy trì khuyến nghị **TRUNG LẬP** đối với cổ phiếu VHM với giá mục tiêu 12 tháng là 105.600 đồng/cổ phiếu, tương ứng tiềm năng tăng giá là +14,2%. VHM hiện đang giao dịch ở mức P/B trượt 12 tháng là 1,8x, thấp hơn so với mức trung bình 5 năm là 1,9x.

Luận điểm đầu tư

- Vị thế dẫn đầu:** VHM duy trì vị thế là doanh nghiệp phát triển bất động sản hàng đầu Việt Nam, sở hữu quỹ đất có quy mô lớn và năng lực triển khai các dự án đại đô thị.
- Tăng trưởng doanh số bán hàng:** Chúng tôi kỳ vọng VHM duy trì đà tăng trưởng của doanh số bán hàng mạnh mẽ, đạt 182 nghìn tỷ đồng trong năm 2025 (+75% svck) và 192 nghìn tỷ đồng trong năm 2026 (+6% svck), nhờ các dự án đang triển khai và những đợt mở bán lớn dự kiến trong năm 2026.
- Triển vọng lợi nhuận:** Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ (NPATMI) được dự báo đạt 37 nghìn tỷ đồng trong năm 2025 (+17% svck) và 40 nghìn tỷ đồng trong năm 2026 (+8% svck), nhờ doanh thu chưa ghi nhận ở mức cao.

Điểm nhấn HKKD

- KQKD Q3/2025:** VHM ghi nhận doanh thu thuần đạt 16,4 nghìn tỷ đồng (-14% so với quý trước, -51% svck) và NPATMI đạt 4,1 nghìn tỷ đồng (-45% so với quý trước, -48% svck), chủ yếu do thời điểm bàn giao và ghi nhận doanh thu.
- Bùng nổ doanh số bán hàng:** Doanh số bán hàng trong Q3/2025 tăng vọt lên 95,1 nghìn tỷ đồng (gấp 3 lần so với quý trước và svck), chủ yếu nhờ các giao dịch bán buôn tại dự án Green Paradise.

Rủi ro: Việc triển khai dự án chậm hơn dự kiến và tỷ lệ hấp thụ yếu tại các thị trường cấp 2 có thể ảnh hưởng đến doanh số bán hàng.

Tỷ đồng	2022	2023	2024	2025F	2026F
Doanh thu thuần	62.393	103.557	102.323	138.054	151.800
Tăng trưởng doanh thu thuần	-27%	66%	-1%	35%	10%
Biên lợi nhuận gộp	49%	34%	32%	38%	41%
NPATMI	28.831	33.371	31.801	37.088	40.069
EPS (VND)	6.621	7.664	7.742	9.029	9.755
Tăng trưởng EPS (%)	-26%	16%	1%	17%	8%
Tỷ suất cổ tức (%)	-	-	-	-	-
ROE	21%	20%	17%	17%	16%
Nợ/VCSH	0,24	0,31	0,37	0,5	0,46
P/E (x)	7,25	5,64	5,17	11,43	10,58
P/B (x)	1,44	1,05	0,81	1,77	1,51
EV/EBITDA (x)	5,44	5,18	4,86	7,54	6,97

Nguồn: VHM, SSI Research

Phạm Hoàng Bảo Nga

Trưởng nhóm Phân tích

ngaphb@ssi.com.vn

Giá CP - VND (15/12/25)	92.500
Vốn hóa (USDmn):	14.4.9
SLCP lưu hành (triệu cp):	4.107
KLGD TB 3 tháng (triệu cp):	6,7
Giá cao/thấp 52T (k VND):	127/37,8
GTGD TB 3 tháng (USDmn):	26,7
Tỷ lệ SHNN (%):	8,8
GTNN còn được mua (USDmn):	5.932
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%):	0

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

Công ty Cổ phần Vinhomes (VHM) được thành lập vào năm 2008, là công ty đầu tư bất động sản lớn nhất tại Việt Nam. Tính đến Q2/2024, VHM có quỹ đất với diện tích 30 triệu m² đất tại các dự án đã triển khai và 170 triệu m² đất tại các dự án sắp triển khai.

KQKD Q3/2025: Lợi nhuận giảm do thời điểm bàn giao

Tỷ đồng	3Q25	3Q24	YoY	2Q25	QoQ	% hoàn thành kế hoạch năm	Biên lợi nhuận			
							3Q25	3Q24	2Q25	2024
Doanh thu thuần	16.420	33.323	-50,7%	18.975	-13,5%	39,1%				
Lợi nhuận gộp	2.466	9.751	-74,7%	4.186	-41,1%		15,0%	29,3%	22,1%	32,2%
Lợi nhuận hoạt động	6.583	11.109	-40,7%	9.945	-33,8%		40,1%	33,3%	52,4%	44,7%
EBIT	8.120	12.345	-34,2%	11.487	-29,3%		49,4%	37,0%	60,5%	47,3%
EBITDA	8.522	12.875	-33,8%	11.977	-28,8%		51,9%	38,6%	63,1%	49,1%
Lợi nhuận trước thuế	5.420	10.837	-50,0%	9.033	-40,0%		33,0%	32,5%	47,6%	39,9%
Lợi nhuận ròng	4.436	8.980	-50,6%	8.225	-46,1%	36,5%	27,0%	26,9%	43,3%	34,3%
Lợi nhuận ròng thuộc về cổ đông công ty mẹ	4.184	7.866	-46,8%	7.508	-44,3%		25,5%	23,6%	39,6%	31,1%

Nguồn: VHM, SSI Research

VHM ghi nhận doanh thu thuần Q3/2025 đạt 16,4 nghìn tỷ đồng (-14% so với quý trước và -51% svck) và NPATMI đạt 4,1 nghìn tỷ đồng (-45% so với quý trước và -48% svck). Sự sụt giảm này chủ yếu do thời điểm bàn giao và ghi nhận doanh thu.

Trong 9 tháng đầu năm 2025, VHM đạt doanh thu điều chỉnh (bao gồm doanh thu từ giao dịch bán buôn và các dự án BCC với Vingroup) là 70,4 nghìn tỷ đồng (-23% svck) và NPATMI đạt 14,4 nghìn tỷ đồng (-27% svck), hoàn thành 36% kế hoạch lợi nhuận cả năm và 40% dự báo của chúng tôi.

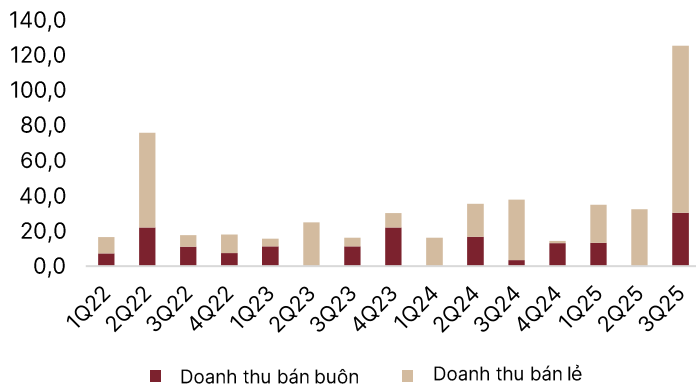
Doanh số bán hàng Q3/2025 tăng mạnh nhờ giao dịch bán buôn tại Green Paradise

VHM ghi nhận doanh số bán hàng trong Q3/2025 đạt 95,1 nghìn tỷ đồng (gấp 3 lần so với quý trước và svck), chủ yếu nhờ các giao dịch bán buôn tại dự án Green Paradise. Kết quả này đưa tổng doanh số bán hàng 9 tháng đầu năm lên 162,6 nghìn tỷ đồng (tăng 96% svck), vượt dự báo của chúng tôi 18%. Trong Q3/2025, VHM duy trì đà bán hàng mạnh mẽ tại các dự án mới mở bán, như Wonder City, Golden City, Green City và triển khai bán buôn tại Green Paradise. Tính đến cuối Q3/2025:

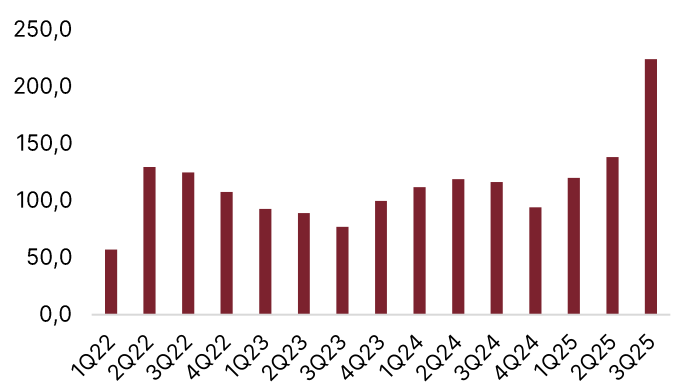
- Wonder City (133 ha – mở bán tháng 3): Đã bán được 98% tổng số căn
- Golden City (241 ha – mở bán tháng 6): Đã bán được 78% số căn mở bán
- Green City (197 ha – mở bán tháng 6): Đã bán được 66% số căn mở bán

Tính đến cuối Q3/2025, doanh thu chưa ghi nhận đạt 223,9 nghìn tỷ đồng (+93% svck), với đóng góp chính từ Green Paradise, Wonder City và Royal Island, tạo nền tảng cho tăng trưởng lợi nhuận trong Q4/2025 và năm 2026.

Doanh số bán hàng theo quý của VHM giai đoạn 2022–2025 (nghìn tỷ đồng)



Doanh thu chưa ghi nhận của VHM giai đoạn 2022–2025 (nghìn tỷ đồng)



Nguồn: VHM, SSI Research

Cập nhật các dự án lớn và triển vọng doanh số bán hàng của VHM

STT	Dự án	Địa điểm	Quy mô (ha)	Chủ đầu tư	Lợi ích kinh tế của VHM	Ngày mở bán/dự kiến	Tỷ lệ đã bán dự kiến *
1	Ocean Park 1	Gia Lâm, Hà Nội	420	VHM	99%	2018	~100%
2	Smart City	Nam Từ Liêm, Hà Nội	281	VHM	100%	2018	~100%
3	Grand Park	Q9, TP.HCM	272	VHM	100%	2019	~100%
4	Ocean Park 2&3	Văn Giang, Hưng Yên	754	VHM	100%	2022	~100%
5	Golden Avenue	Móng Cái, Quảng Ninh	116	VHM	100%	2023	100%
6	Royal Island	Vũ Yên, Hải Phòng	865	VIC	95%	2024	99%
7	Wonder City	Đan Phượng, Hà Nội	133	VIC	100%	2025	98%
8	Green City	Đức Hòa, Long An	197	VHM	67%	2025	43%
9	Golden City	Dương Kinh & Kiến Thụy, Hải Phòng	241	VHM	100%	2025	39%
10	Green Paradise	Cần Giờ, TP.HCM	2.870	VHM	100%	2025	23%
11	Làng Vân	Liên Chiểu, Đà Nẵng	511	VPL	100%	2026	0%
12	Quang Hanh	Cẩm Phả, Quảng Ninh	167	VIC	99%	2026	0%
13	My Lam	Tuyên Quang	455	VHM	66%	2026	0%
14	Apollo City	Quảng Yên & Hạ Long, Quảng Ninh	5.540	VHM-VIC	70%	2026	0%
15	Phước Vĩnh Tây	Cần Giuộc, Long An	1.090	VHM-VIG	100%	2026	0%
16	Tân Liễu	Bắc Giang	70	VIC	99%	2027+	0%
17	Leman Golf	Củ Chi, TP.HCM	200	VHM	100%	2027+	0%
18	IUT	Hóc Môn, TP.HCM	860	VHM	97%	2027+	0%
19	Tân Mỹ	Đức Hòa, Long An	930	VHM	76%	2027+	0%
20	Cam Ranh	Cam Ranh, Khánh Hòa	1.300	VHM-VinES	100%	2027+	0%
21	Cam Lâm	Cam Lâm & Cam Ranh, Khánh Hòa	10.356	VHM-led consortium		2027+	0%

Nguồn: VHM, SSI Research, *SSI Research ước tính

Dự án Green Paradise:

Tiến độ xây dựng tại Green Paradise đang được đẩy nhanh. Chúng tôi ghi nhận một số phân khu (thuộc Haven Bay) gần đây được các chủ đầu tư thứ cấp mở bán, với sản phẩm biệt thự và nhà phố có mức giá khoảng 120-130 triệu đồng/m². Chúng tôi kỳ vọng VHM sẽ mở bán 2.000-3.000 căn thấp tầng cho khách hàng cá nhân trong vài tuần tới.

Các dự án hạ tầng kết nối cũng đang được triển khai, với nhiều dự án lớn được đề xuất nhằm cải thiện khả năng kết nối, bao gồm: tuyến metro Bến Thành – Cần Giờ với tổng mức đầu tư (TMĐT) 4,1 tỷ USD (do Vingroup phát triển), tuyến đường và cầu vượt biển Cần Giờ – Vũng Tàu với TMĐT 4 tỷ USD (Vingroup đề xuất), và dự án cầu Cần Giờ (Masterise đề xuất).

Chúng tôi điều chỉnh tăng dự báo doanh số bán hàng của VHM trong năm 2025 lên 182 nghìn tỷ đồng (+75% svck), tăng 44% so với ước tính trước đó nhờ doanh số bán hàng vượt kỳ vọng từ Green Paradise trong Q3/2025. Doanh số bán hàng năm 2025 chủ yếu đến từ các dự án Royal Island, Wonder City, Green City, Golden City và Green Paradise, trong khi việc mở bán dự án Làng Vân được dời sang năm 2026 thay vì 2025 như dự kiến trước đây. Đối với năm 2026, chúng tôi dự báo doanh số bán hàng đạt 192 nghìn tỷ đồng (+6% svck), được hỗ trợ bởi Green City, Golden City, Green Paradise cùng với các dự án mới dự kiến mở bán như Làng Vân, Apollo City, Quang Hanh và Phước Vĩnh Tây (đã bắt đầu xây dựng từ Q3/2025).

Triển vọng lợi nhuận

Lợi nhuận Q4/2025 được dự báo đạt 23 nghìn tỷ đồng (+5 lần so với quý trước và +87% svck), chủ yếu nhờ ghi nhận các giao dịch bán buôn tại dự án Green Paradise. Chúng tôi kỳ vọng VHM đạt doanh thu 138 nghìn tỷ đồng (+35% svck) và NPATMI đạt 37 nghìn tỷ đồng (+17% svck), chủ yếu nhờ các dự án Ocean Park 2&3, Royal Island, Golden City và Green Paradise.

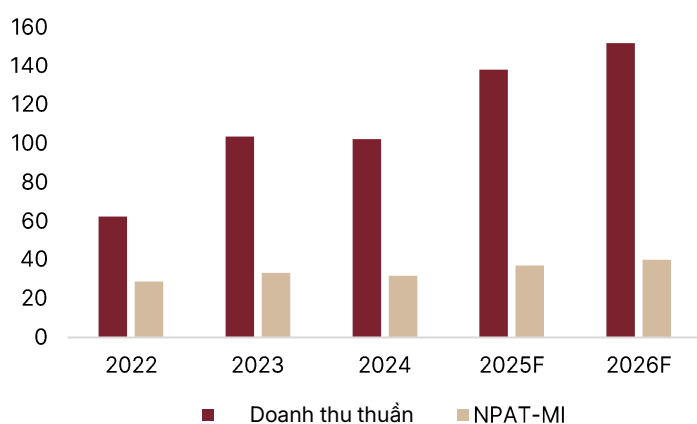
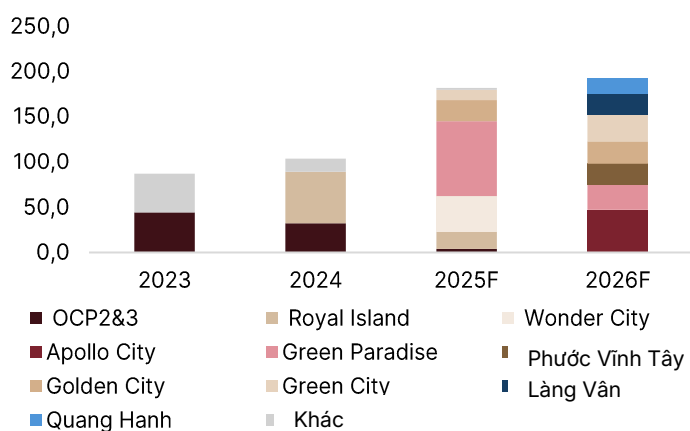
Sang năm 2026, doanh thu dự kiến đạt 152 nghìn tỷ đồng (+10% svck) và NPATMI đạt 40 nghìn tỷ đồng (+8% svck), với đóng góp từ Royal Island, Wonder City, Green City, Golden City và Green Paradise. Chúng tôi điều chỉnh tăng lần lượt 10% và 11% cho dự báo lợi nhuận năm 2025 và 2026 so với ước tính trước đó, phản ánh doanh số bán hàng vượt kỳ vọng tại Green Paradise trong Q3/2025, dự kiến sẽ bắt đầu ghi nhận trong Q4/2025.

Luận điểm đầu tư

Chúng tôi duy trì khuyến nghị **TRUNG LẬP** đối với cổ phiếu VHM, với giá mục tiêu 1 năm là **105.600 đồng/cổ phiếu** (tiềm năng tăng giá là 14,2%), cao hơn 7% so với báo cáo cập nhật gần nhất do: (i) chuyển cơ sở định giá đến cuối năm 2026, (ii) tăng định giá cho dự án Green Paradise nhờ giá bán cao hơn giá định trước đó, và (iii) bổ sung dự án Cam Lâm vào mô hình định giá.

Doanh số bán hàng của VHM giai đoạn 2023-2026 (nghìn tỷ đồng)

Lợi nhuận của VHM giai đoạn 2022-2026 (nghìn tỷ đồng)



Nguồn: VHM, SSI Research

Rủi ro: Việc triển khai dự án chậm hơn dự kiến và tỷ lệ hấp thụ yếu tại các thị trường cấp 2 có thể gây áp lực lên hiệu suất doanh số bán hàng.

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: SSI Research; Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2023	2024	2025F	2026F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	14.103	28.780	27.039	24.014
+ Đầu tư ngắn hạn	3.834	5.392	5.392	5.392
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	132.871	168.406	246.257	270.777
+ Hàng tồn kho	55.318	54.696	120.668	153.941
+ Tài sản ngắn hạn khác	36.215	28.205	37.920	41.648
Tổng tài sản ngắn hạn	242.341	285.479	437.277	495.772
+ Các khoản phải thu dài hạn	33.800	107.670	119.155	131.019
+ GTCL Tài sản cố định	11.671	14.622	19.508	21.050
+ Bất động sản đầu tư	17.037	16.916	16.246	15.851
+ Tài sản dài hạn dở dang	60.790	81.990	81.990	81.990
+ Đầu tư dài hạn	7.760	12.519	12.519	12.519
+ Tài sản dài hạn khác	71.231	45.012	59.452	65.182
Tổng tài sản dài hạn	202.290	278.730	308.871	327.611
Tổng tài sản	444.631	564.209	743.546	820.782
+ Nợ ngắn hạn	211.073	278.532	347.183	369.060
Trong đó: vay ngắn hạn	18.290	34.276	50.389	53.564
+ Nợ dài hạn	50.921	64.933	134.345	145.513
Trong đó: vay dài hạn	38.394	47.016	79.257	87.287
Tổng nợ phải trả	261.994	343.465	481.529	514.573
+ Vốn góp	43.544	41.074	41.074	41.074
+ Thặng dư vốn cổ phần	1.260	-6.756	-6.756	-6.756
+ Lợi nhuận chưa phân phối	133.392	167.206	204.294	244.363
+ Quỹ khác	4.441	19.220	23.035	27.157
Vốn chủ sở hữu	182.636	220.744	261.647	305.838
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	444.631	564.209	743.546	820.782
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	1.517	-22.400	-47.595	-11.729
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-18.632	25.385	-2.500	-2.500
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	20.401	11.692	48.354	11.205
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	3.286	14.677	-1.741	-3.025
Tiền đầu kỳ	10.817	14.103	28.780	27.039
Tiền cuối kỳ	14.103	28.780	27.039	24.014
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	1,15	1,02	1,26	1,34
Hệ số thanh toán nhanh	0,71	0,73	0,8	0,81
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,08	0,12	0,09	0,08
Nợ ròng / EBITDA	0,71	0,95	1,2	1,57
Khả năng thanh toán lãi vay	15,19	6,38	4,03	4,01
Ngày phải thu	60,9	69,2	53,1	52,6
Ngày phải trả	95,4	106,3	96,6	104,3
Ngày tồn kho	321,9	289,5	376,7	554,9
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,41	0,39	0,35	0,37
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,59	0,61	0,65	0,63
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1,43	1,56	1,84	1,68
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,31	0,37	0,5	0,46
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,1	0,16	0,19	0,18

Nguồn: VHM, SSI Research

Tỷ đồng	2023	2024	2025F	2026F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	103.557	102.323	138.054	151.800
Giá vốn hàng bán	-67.850	-69.356	-84.966	-90.320
Lợi nhuận gộp	35.707	32.967	53.088	61.480
Doanh thu hoạt động tài chính	19.954	26.844	23.525	21.641
Chi phí tài chính	-3.870	-10.487	-15.735	-17.094
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-3.663	-3.791	-6.903	-7.590
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-4.093	-4.593	-6.212	-6.831
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	44.045	40.943	47.767	51.609
Thu nhập khác	-735	-95	-128	-141
Lợi nhuận trước thuế	43.310	40.848	47.638	51.468
Lợi nhuận ròng	33.533	35.073	40.903	44.191
Lợi nhuận chia cho cổ đông	33.371	31.801	37.088	40.069
Lợi ích của cổ đông thiểu số	161	3.271	3.815	4.122
EPS cơ bản (VND)				
Giá trị sổ sách (VND)	41.177	49.334	58.364	68.119
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	0	0	0	0
EBIT	46.363	48.437	63.373	68.562
EBITDA	47.799	50.238	64.629	69.916
Tăng trưởng				
Doanh thu	66,0%	-1,2%	34,9%	10,0%
EBITDA	14,0%	5,1%	28,6%	8,2%
EBIT	13,9%	4,5%	30,8%	8,2%
Lợi nhuận ròng	15,0%	4,6%	16,6%	8,0%
Vốn chủ sở hữu	23,0%	20,9%	18,5%	16,9%
Vốn điều lệ	0,0%	-5,7%	0,0%	0,0%
Tổng tài sản	22,9%	26,9%	31,8%	10,4%
Định giá				
P/E	5,6	5,2	11,4	10,6
P/B	1	0,8	1,8	1,5
Giá/Doanh thu	1,8	1,7	3,1	2,8
Tỷ suất cổ tức	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
EV/EBITDA	5,2	4,9	7,5	7
EV/Doanh thu	2,4	2,4	3,5	3,2
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	34,5%	32,2%	38,5%	40,5%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	42,8%	44,7%	39,3%	39,6%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	32,4%	34,3%	29,6%	29,1%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	3,5%	3,7%	5,0%	5,0%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	4,0%	4,5%	4,5%	4,5%
ROE	20,3%	17,4%	17,0%	15,6%
ROA	8,3%	7,0%	6,3%	5,6%
ROIC	16,9%	15,4%	15,7%	14,1%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Phạm Lưu Hưng

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Chiến lược thị trường

Đào Minh Châu

Phó giám đốc Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

chaudm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688

Phân tích Ngành Bất động sản

Phạm Hoàng Bảo Nga

Trưởng nhóm Phân tích

ngaphb@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321

Dữ liệu

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321